Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Tập 24, Số đặc biệt 2, 2026: 209-219 https://doi.org/10.31817/tckhnnvn.2026.24.SP02.08
vie.vjas.vn

ĐẦU TƯ CÔNG CHO PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP: TỔNG QUAN KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Thị Quỳnh[1,2], Lưu Văn Duy[2*], Nguyễn Thị Thiêm[2]

[1]Khoa Kinh tế, Luật và Quan hệ quốc tế, Đại học Thái Bình
[2]Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ: luuvanduy@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 02.06.2026 Ngày chấp nhận đăng: 02.10.2026

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tổng quan kinh nghiệm về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp ở một số quốc gia và địa phương ở Việt Nam nhằm phát hiện những ưu và nhược điểm, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất hàm ý chính sách đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên. Bằng việc tổng hợp, phân tích nguồn dữ liệu đã công bố, nghiên cứu chỉ ra được đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp ở các quốc gia có những điểm đặc trưng riêng nhưng đều ưu tiên cho thủy lợi và có xu hướng chuyển dịch dần sang hạ tầng công nghệ cao với quy trình giám sát, quản trị chặt chẽ; có chính sách, cơ chế thu hút sự tham gia của tư nhân vào đầu tư công thông qua việc đẩy mạnh vai trò vốn mồi của đầu tư công. Một số hạn chế bao gồm đầu tư thiếu đồng bộ, kém hiệu quả, hạ tầng xuống cấp dẫn đến chi phí bảo trì lớn. Do vậy, để tăng cường hiệu quả đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp, Hưng Yên cần xây dựng kế hoạch đầu tư công dài hạn, đa dạng hóa vốn đầu tư, đẩy nhanh tích tụ ruộng đất, xây dựng quy trình phê duyệt, giám sát, giải ngân đầu tư chặt chẽ và phát huy sự tham gia của người dân.

Từ khóa: Đầu tư công, phát triển hạ tầng, quản lý đầu tư, chi tiêu công.

Public Investment in Agricultural Infrastructure Development: A Review of Practical Experiences and Policy Implications for Hung Yen Province

ABSTRACT

This study provides a comprehensive review of experiences in public investment for agricultural infrastructure development, with the aim of identifying key achievements and persistent constraints, thereby deriving policy-relevant lessons and proposing actionable implications for Hung Yen province. Drawing on a critical analysis of secondary data and published literature, the findings reveal that, despite contextual heterogeneity across countries, public investment in agricultural infrastructure consistently prioritizes irrigation systems and increasingly shifts toward high-tech infrastructure, underpinned by robust governance, monitoring, and accountability frameworks. Furthermore, many countries have established enabling policies and institutional arrangements to crowd in private sector participation, particularly by leveraging the catalytic role of public investment. Notwithstanding these advancements, several structural limitations remain evident, including fragmented and poorly coordinated investment, suboptimal efficiency, and infrastructure degradation that results in escalating maintenance costs. Considering these challenges, enhancing the effectiveness of public investment in agricultural infrastructure in Hưng Yên Province necessitates the formulation of a long-term public investment strategy, diversification of financing sources, acceleration of land consolidation processes, the establishment of rigorous procedures for project appraisal, approval, monitoring, and disbursement, and the promotion of inclusive participation from local stakeholders and communities.

Keywords: Public investment, infrastructure development, investment management, public expenditure.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế chuyển dịch kinh tế toàn cầu và hội nhập sâu rộng, nông nghiệp vẫn nắm vai trò chủ chốt, vừa đảm bảo nhu cầu lương thực, đồng thời tạo ra nguồn lực kinh tế cho một đất nước và là nền tảng sinh kế cho người dân khu vực nông thôn (Đỗ Kim Chung & Lưu Văn Duy,

2023). Trước những thách thức của toàn cầu, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp bền vững, hướng đến bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu là một yêu cầu cấp thiết (Phạm Minh Phong, 2025). Tuy nhiên, để nông nghiệp phát triển bền vững thì điều kiện tiên quyết là phải có hệ thống hạ tầng hoàn thiện. Trong đó, đầu tư công đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nhất là những nơi điều kiện khó khăn, kém hấp dẫn đầu tư tư nhân (Phạm Thị Quỳnh & Lưu Văn Duy, 2025).

Không chỉ ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển ổn định của ngành nông nghiệp, đầu tư công còn ảnh hưởng đến hiệu suất chung của toàn nền kinh tế; góp phần thúc đẩy đầu tư tư nhân vào lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn; là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, góp phần giúp các nước đang phát triển giảm nghèo (Haggblade, 2007). Tuy nhiên, thu hút đầu tư cho nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thường đối diện với nhiều rủi ro, tỷ suất sinh lời thấp và khả năng thu hồi vốn chậm (Lưu Văn Duy & cs., 2022). Hiện nay, đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp đã và đang thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả Livingstone & James (2024); Kaur & cs. (2023); Hồ Ngọc Ninh & cs. (2021); Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường giới hạn phạm vi ở một địa phương, một vùng hay ở một quốc gia và khá rời rạc. Ở Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào tổng quan kinh nghiệm về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp tại địa phương, đặc biệt là các địa phương có đặc điểm tương đồng với tỉnh Hưng Yên. Các nghiên cứu này chủ yếu phân tích thực trạng, đánh giá hiệu quả đầu tư công, đề xuất giải pháp cho từng địa phương, quốc gia theo từng lĩnh vực cụ thể, chưa đưa ra bài học về cơ chế quản lý, sự phân bổ nguồn lực, cách thức tổ chức thực hiện đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp.

Hiện nay, tổng diện tích đất nông nghiệp của Hưng Yên sau sáp nhập chiếm khoảng 62,31% diện tích tự nhiên tương đương 164.352ha, diện tích đất trồng lúa và cây lâu năm đang giảm dần do nhu cầu tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư công nghiệp và hạ tầng. Theo tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là 40.443,6 tỷ đồng, trong đó dành tối thiểu 5% nguồn vốn cho ngành nông nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh và hạ tầng nông nghiệp (UBND tỉnh Hưng Yên, 2025). Tuy nhiên, hạ tầng nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên đang phải đối mặt với nhiều áp lực lớn. Hạ tầng thủy lợi với quy mô 430,3km đê từ cấp III trở lên nhưng đã xuống cấp và thiếu công suất. Các trạm bơm ở khu Bắc sông Luộc hiện tại mới đạt 68% tổng lưu lượng tiêu thoát nước yêu cầu và hệ thống tiêu đô thị, công nghiệp chỉ đáp ứng được 38%. Thực trạng sản xuất nông nghiệp của tỉnh nhìn chung vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, và dịch vụ nông nghiệp chỉ chiếm 6,41% cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2020. Nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp và thủy lợi còn rất hạn chế chủ yếu là vốn đầu tư công, vốn ODA hoặc nguồn lực xã hội hóa doanh nghiệp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, chưa khai thác được nhiều cơ chế huy động linh hoạt như PPP hay quỹ đất đối ứng (UBND tỉnh Hưng Yên, 2025).

Nghiên cứu này thực hiện nhằm tổng quan kinh nghiệm các nước trên thế giới và địa phương trong nước có nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, đã triển khai mô hình đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp đạt kết quả nổi bật từ đó đề xuất hàm ý chính sách cho tỉnh Hưng Yên. Nghiên cứu tập trung làm rõ (i) cơ sở lý luận cơ bản về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp; (ii) phân tích và so sánh kinh nghiệm đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp tại một số quốc gia và địa phương; (iii) bài học kinh nghiệm và đề xuất hàm ý chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp

Để chỉ ra kinh nghiệm quốc tế và trong nước về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông

nghiệp, trước hết cần hiểu nội hàm của thuật ngữ "hạ tầng nông nghiệp" cũng như "đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp". Theo Đỗ Kim Chung (2021), hạ tầng nông nghiệp là các cơ sở vật chất và hệ thống để hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm như hạ tầng tưới tiêu; giao thông nông thôn, kho chứa và cơ sở chế biến; hạ tầng điện, nước và các cơ sở hỗ trợ khác. Phát triển hạ tầng nông nghiệp hướng đến việc xây dựng, duy trì và cải tạo các hạ tầng hỗ trợ sản xuất, hướng đến việc ứng dụng công nghệ mới vào vận hành, quản lý. Để phát triển hạ tầng nông nghiệp, cần thu hút vốn đầu tư từ cả hai khu vực công và tư nhân. Trong đó, đầu tư công là nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn ưu đãi để xây dựng, nâng cấp hoặc bảo trì các công trình hạ tầng nhằm tạo động lực thúc đẩy đầu tư tư nhân trong nông nghiệp, giúp giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu (Phạm Thị Quỳnh & Lưu Văn Duy, 2025).

Các nghiên cứu gần đây của Nguyễn Văn Dân (2021); Nguyễn Thị Thu Hằng & Lê Trung Hiếu (2020) chỉ ra đặc điểm, vai trò của đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp. Do nông nghiệp là một ngành đặc thù nên đầu tư công cho phát triển hạ tầng cũng có những đặc trưng riêng như luôn mang tính chất công ích, khó thu hồi vốn trực tiếp; có tác động lan tỏa cao nhưng hiệu quả đầu tư chậm; phụ thuộc lớn vào ngân sách và quyết định của nhà nước; dễ bị phân tán, trùng lặp nếu thiếu sự đồng bộ trong quy hoạch; chịu ảnh hưởng bởi địa bàn, yếu tố địa hình, thiên tai. Đặc biệt, nghiên cứu của Phạm Thị Quỳnh & Lưu Văn Duy (2025) nhấn mạnh nội hàm của đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp là một chuỗi các hoạt động quản lý toàn diện từ phân bổ vốn đến vận hành sau đầu tư, việc xác định nhu cầu, xây dựng dự án đầu tư, lựa chọn dự án, bố trí nguồn vốn đến tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, khai thác, bảo trì các dự án đầu tư công và cuối cùng là giám sát và đánh giá. Các tác giả cũng khẳng định vai trò của đầu tư công là vốn mồi quan trọng để góp phần tăng năng suất, giảm chi phí logistics và cải thiện đời sống nông thôn, tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cho nông nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu kết hợp nghiên cứu trường hợp thực tiễn dựa trên nguồn dữ liệu khoa học quốc tế bao gồm Scopus, Web of science, Google scholar và hai nguồn dữ liệu khoa học uy tín của Việt Nam là hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Vista) và cơ sở dữ liệu Tạp chí khoa học Việt Nam trực tuyến (VJOL). Chiến lược tìm kiếm dựa trên tiêu đề, tóm tắt và từ khóa tìm kiếm có xét đến các từ khóa tìm kiếm liên quan đến đầu tư công và hạ tầng nông nghiệp và được giới hạn trong lĩnh vực chủ đề khoa học xã hội. Theo đó, truy vấn tìm kiếm sau đây đã được sử dụng: Các từ khóa tìm kiếm là: "đầu tư công", "hạ tầng nông nghiệp", "phát triển hạ tầng", "public investment", "agricultural infrastructure", "infrastructure development".

Việc lựa chọn các quốc gia và địa phương để nghiên cứu bài học kinh nghiệm dựa trên các tiêu chí như (i) có kinh nghiệm nổi bật về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp; (ii) có kết quả được công bố trong ba hệ thống cơ sở dữ liệu quốc tế và hai hệ thống dữ liệu trong nước nêu trên; (iii) có điểm tương đồng với Hưng Yên ở một số khía cạnh như quy mô diện tích tự nhiên và đất nông nghiệp không quá lớn; điều kiện phát triển nông nghiệp thâm canh; chịu ảnh hưởng từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm thu hẹp đất nông nghiệp; có xu hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao và nâng cao giá trị gia tăng. Nghiên cứu tổng hợp, phân loại, phân tích dữ liệu thu thập theo khung phân tích thống nhất gồm năm nhóm tiêu chí: mức độ ưu tiên đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức huy động vốn, cơ chế quản lý, giám sát và kết quả, hiệu quả đầu tư. Dữ liệu thu thập được phân tích bằng phương pháp phân tích nội dung kết hợp so sánh đối chiếu giữa các trường hợp nghiên cứu theo khung phân tích thống nhất, từ đó phân tích kinh nghiệm, xác định yếu tố thành công, bài

học kinh nghiệm có khả năng vận dụng vào thực tiễn đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ ĐẦU TƯ CÔNG CHO PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP

3.1. Nhật Bản

Tại Nhật Bản, nông nghiệp luôn được coi là trọng tâm hàng đầu, đầu tư công vào hạ tầng nông nghiệp được xem là một trong những điểm cốt lõi của chính sách phát triển nông nghiệp và Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư các dự án hạ tầng nông nghiệp quy mô lớn (OECD, 2025). Trong giai đoạn 2020-2025, Nhật Bản đã chi 961,9 tỷ Yên tương đương 6,41 tỷ USD cho dịch vụ hỗ trợ chung (GSSE), trong đó 80-83% được dành cho phát triển và nâng cấp, bảo trì hạ tầng nông nghiệp, đặc biệt là hạ tầng thủy lợi (OECD, 2025). So với giai đoạn trước năm 2000, đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp có khuynh hướng giảm nhưng nhìn chung Nhật Bản vẫn duy trì mức đầu tư công cao cho hạ tầng nông nghiệp (OECD, 2021). Về cơ chế quản lý và giám sát ở Nhật Bản được xây dựng chặt chẽ thông qua hệ thống luật pháp như Luật Nông nghiệp cơ bản, Luật Cải tạo đất với sự giám sát của cộng đồng nông dân với mô hình quản lý có sự tham gia (JICA, 2022); thành lập các ngân hàng đất nông nghiệp để tích tụ và tái phân bổ đất đai, đồng thời đầu tư nâng cấp hạ tầng trước khi cho các hộ có nhu cầu thuê lại. Hệ thống giám sát dự án được thiết kế chặt chẽ bao gồm đánh giá sơ bộ, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc, đánh giá sau sử dụng nhằm để theo dõi hiệu quả dự án (OECD, 2019). Về tính hiệu quả và khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, Nhật Bản đang chuyển dịch mạnh mẽ từ đầu tư hạ tầng truyền thống sang hạ tầng nông nghiệp thông minh và bền vững. Sự chuyển dịch này làm tăng năng suất trong nông nghiệp trung bình 1,3% năm trong giai đoạn 2012-2021. Mức tăng năng suất này không chỉ do đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp mà là kết quả của việc đầu tư đồng bộ vào hạ tầng thủy lợi, cơ giới hóa, chuyển đổi số, R&D với cơ chế quản lý nông nghiệp. Năm 2021, Nhật Bản đã tập trung vào phát triển hệ thống sản xuất nông nghiệp giảm phát thải như giảm 50% thuốc bảo vệ thực vật và 30% phân bón hóa học (OECD, 2025). Đồng thời ứng dụng công nghệ như AI, robot, tự động hóa vào nông nghiệp nhằm cải thiện tình trạng suy giảm nhân lực và tăng khả năng thích ứng (OECD, 2019). Mặc dù Nhật Bản có vốn đầu tư công lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, quản trị tốt, tuy nhiên do áp lực già hóa dân số nông thôn cũng như hạ tầng đã qua thời kỳ khấu hao dài hạn nên vẫn phải đối mặt với sự xuống cấp của hạ tầng nông nghiệp cũng như chi phí bảo trì lớn.

Như vậy, có thể thấy nông nghiệp Việt Nam với Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng như Nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo; quy mô nhỏ lẻ, ruộng đất phân tán nên nhu cầu đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp tăng, đặc biệt là hạ tầng nông nghiệp và giao thông nội đồng (OECD, 2019). Tuy nhiên, là nước có trình độ phát triển cao và định hướng đầu tư công tốt nên sau thời kỳ hậu chiến, Nhật Bản đã chú trọng xây dựng hạ tầng thủy lợi, hạ tầng nông thôn khá hoàn chỉnh và đồng bộ (OECD, 2019). Trong những năm gần đây, Nhật Bản không tập trung vốn mở rộng hạ tầng mà chủ yếu nâng cấp, cải thiện chất lượng, hiện đại hóa, thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chính xác; đồng thời tăng cường huy động hiệu quả hợp tác công - tư (OECD, 2019; 2021).

3.2. Trung Quốc

Là một nước đông dân nhất thế giới, diện tích đất nông nghiệp bình quân/hộ rất nhỏ nhưng giá trị gia tăng đóng góp vào nông nghiệp toàn cầu chiếm đến 1.100 tỷ USD (WB, 2024). Trung Quốc đã dành nguồn đầu tư công lớn cho phát triển hạ tầng đất đai, thủy lợi nhằm đảm bảo an ninh lương thực và tăng khả năng thích nghi, chống chịu trước sự biến đổi của khí hậu.

Đầu tư công của Trung Quốc chú trọng vào xây dựng dự án đất nông nghiệp cơ bản (BFC), cải tạo đất, xây dựng hạ tầng thủy lợi, tiêu thoát nước, cải thiện giao thông nội đồng và bảo tồn môi trường sinh thái, giúp tăng tổng công suất máy móc nông nghiệp lên tương ứng (Huang & cs., 2024). Đồng thời tăng cường đầu tư công cho hạ tầng nước thông qua hệ thống cung cấp tích

hợp và nâng cao chất lượng nước, thúc đẩy công nghệ tiết kiệm nước và điều chỉnh cơ cấu cây trồng để ứng phó với vấn đề môi trường, thích nghi sự biến đổi của khí hậu. Mặt khác, chuyển hướng sang củng cố hạ tầng công cộng và xây dựng hạ tầng đổi mới như dành một khoản chi tiêu R&D vào nông nghiệp công khá lớn, tăng gấp khoảng 5 lần, từ mức trung bình 1,3 tỷ USD/năm (giai đoạn 2000-2002) lên 6,6 tỷ USD/năm (giai đoạn 2019-2021) (Plastina & Townsend, 2023). Một điểm nhấn khác của Trung Quốc là đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất lớn, chất lượng cao và áp dụng công nghệ hiện đại vào quá trình chế biến, bảo quản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đồng thời hỗ trợ sản xuất và liên kết thị trường; xây dựng, phát triển hạ tầng lưu trữ, logistics chuỗi lạnh, tiếp cận internet và các trung tâm dữ liệu lớn để cải thiện môi trường cho thương mại điện tử nông sản thực phẩm (WB, 2022).

Đầu tư công của Trung Quốc đang hướng đến thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, thúc đẩy sản xuất xanh, tiếp cận y tế, giáo dục, tối ưu hóa cung cấp năng lượng điện lưới và năng lượng sạch; cải tạo đất và nhà vệ sinh nông thôn thông qua việc tích hợp xử lý và quản lý chất thải sinh hoạt; thay đổi các khoản trợ cấp truyền thống sang các khoản chi trả cho dịch vụ môi trường; tài trợ cho các sáng kiến giảm thiểu ô nhiễm từ phân gia súc, tái chế rơm rạ, phim nhựa nông nghiệp… (WB, 2022). Bên cạnh đó, có những chính sách ưu đãi thuế để thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài; ưu tiên phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao; thực hiện chính sách tam nông với tiêu chí hai mở, một điều chỉnh, trong đó chú trọng mở rộng quyền tự chủ trong sản xuất và lưu thông nông sản, điều chỉnh cơ cấu sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường, đồng thời tăng cường hỗ trợ giống, đầu tư máy móc thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực trẻ cho lĩnh vực nông nghiệp (Lê Xuân Cử, 2015). Tuy nhiên, đầu tư công cho nông nghiệp vẫn còn thấp, tỷ lệ chi R&D trên giá trị gia tăng của ngành vẫn thấp hơn so với hầu hết các nước OECD; vốn đầu tư tư nhân còn hạn chế, chỉ chiếm 10-20% trong tổng đầu tư R&D nông nghiệp; đầu tư công cho nông nghiệp ở Trung Quốc thúc đẩy sản xuất tăng trưởng mạnh mẽ nhưng kéo theo ô nhiễm nước và suy giảm đa dạng sinh học; đô thị hóa nông thôn nhanh làm mất cân bằng nhân lực nông thôn - thành thị, giảm khả năng ứng phó tại chỗ khi có thiên tai (Feiwu & cs., 2025).

Bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy cần chú trọng đầu tư hạ tầng đất đai, thủy lợi, giao thông nội đồng; thúc đẩy hạ tầng nước và thích ứng biến đổi khí hậu; quan tâm hỗ trợ hạ tầng lưu trữ, logistics, thương mại điện tử; phát triển năng lượng sạch.

3.3. Thái Lan

Đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp ở Thái Lan được xem là một trong những chiến lược quan trọng của phát triển nông nghiệp, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu như hiện nay (WB, 2018). Theo các nghiên cứu gần đây, đầu tư cho hạ tầng nông nghiệp vẫn chủ yếu do ngân sách nhà nước kết hợp với chương trình hỗ trợ quốc tế và dự án phát triển nông thôn để tài trợ, tập trung chủ yếu vào hạ tầng thủy lợi và phục vụ sản xuất nông nghiệp (WB, 2018; Do & Nguyen, 2024). Thái Lan dành khoảng 95% ngân sách cho toàn bộ R&D và mở rộng nông nghiệp (Phạm Thị Quỳnh & Lưu Văn Duy, 2025). Cũng theo nghiên cứu này, tỷ lệ vốn đầu tư nông nghiệp Thái Lan trung bình 0,47% đến 1,8% trong 3 thập kỷ nhưng giảm dần từ giữa thập niên 1990. Chính sách đầu tư đã và đang hướng tới thúc đẩy đối tác công tư, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao (Phulkerd & cs., 2022). Về cơ chế quản lý và giám sát, Thái Lan áp dụng mô hình quản lý thủy lợi đa cấp kết hợp quản lý có sự tham gia của người dân trong việc vận hành và phân phối. Hiệu quả của quá trình quản trị và giám sát phụ thuộc đáng kể vào nguồn vốn đầu tư và mức độ phối hợp giữa các cấp quản lý (Mahaarcha & Sirisunhirun, 2023). Tuy nhiên, hệ thống giám sát vẫn còn phân tán, thiếu đồng bộ, thiếu sự đánh giá thực chất gắn với vòng đời của dự án và việc bảo trì công trình dẫn đến không đồng bộ giữa các vùng, làm giảm hiệu quả đáng kể (Mahaarcha & Sirisunhirun, 2023; Wichaidist & cs., 2023). Về hiệu quả đầu tư và sự thích ứng với biến đổi khí hậu, các nghiên cứu chỉ ra rằng đầu tư công vào thủy lợi và tưới tiêu ở Thái Lan có tác động tích cực tới năng suất

lao động, thu nhập hộ, khả năng chống chịu với tự nhiên (Do & Nguyen, 2024; Wichaidist & cs., 2023). Ở Thái Lan hiện nay cũng đang có xu hướng chuyển dịch từ mở rộng hạ tầng truyền thống sang đầu tư hạ tầng nông nghiệp thông minh nhằm tiết kiệm nước, ứng dụng năng lượng mặt trời cho thủy lợi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (Luangchosiri & cs., 2025; Anunthawichak & cs., 2026).

Như vậy, có thể thấy đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp ở Thái Lan có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam như chú trọng hạ tầng thủy lợi, vốn đầu tư công chủ yếu do vốn nhà nước, quản lý vẫn chưa chặt chẽ, chi phí bảo trì còn thấp.

Mặc dù quy mô GDP, cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp của Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan có sự khác biệt đáng kể tuy nhiên tỷ lệ chi tiêu công cho nông nghiệp so với GDP chỉ phản ánh mức độ ưu tiên tương đối của ngân sách đối với khu vực nông nghiệp, chưa phản ánh quy mô đầu tư tuyệt đối. Để làm rõ các đặc trưng cơ bản về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp ở Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, nghiên cứu tổng hợp các tiêu chí trong giai đoạn 2015-2025 trong bảng 1.

4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG VỀ ĐẦU TƯ CÔNG CHO PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP

4.1. Ninh Bình[1]

Là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng, Ninh Bình chú trọng đầu tư công cho nông nghiệp nhằm hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển hạ tầng nông thôn, đặc biệt là hạ tầng thủy lợi và tích tụ ruộng đất (Minh Tien Nguyen & cs., 2023). Trong quá trình lựa chọn, phân bổ vốn cho dự án, hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng, hạ tầng điện nông thôn luôn được ưu tiên nguồn vốn đầu tư, đồng thời khuyến khích các dự án tập trung đất canh tác hình thành vùng sản xuất quy mô lớn nhằm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp (Le Duc Thinh & Dao The Anh, 2019). Bên cạnh đó, Ninh Bình cũng áp dụng hình thức đấu thầu công khai, giám sát nhiều cấp, kết hợp chính sách chia sẻ rủi ro, ưu đãi tín dụng nhằm thu hút vốn đầu tư của tư nhân tham gia vào dự án hạ tầng nước sạch nông thôn (Minh Tien Nguyen & cs., 2023). Sự phối kết hợp giữa chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương cũng như đơn vị thi công, sự giám sát của người dân đã mang lại một kết quả đáng mong đợi, tỷ lệ tiếp cận nước sạch nông thôn đạt 96,5%, năng suất và giá trị sản phẩm nông nghiệp tăng lên đáng kể (Truong Duc Toan & cs., 2023).

Đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp ở Ninh Bình đã có nhiều thành tựu đáng kể trong việc nâng cấp hạ tầng nông nghiệp và nông thôn, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế như tiến độ thi công còn chậm, chưa đồng bộ hạ tầng; cơ chế giám sát lỏng lẻo; áp dụng công nghệ và nguồn lực tài chính chưa tối ưu (Minh Tien Nguyen & cs., 2023). Như vậy, có thể thấy đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp ở tỉnh Ninh Bình có nhiều điểm mà Hưng Yên có thể học tập như chú trọng đầu tư hạ tầng thủy lợi và tích tụ tập trung ruộng đất; giao thông nội đồng, hệ thống điện nông thôn; ưu đãi tín dụng cho vốn đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp.

4.2. Đồng Tháp

Là địa phương đầu tiên thực hiện đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, Đồng Tháp ưu tiên các dự án hạ tầng thiết yếu như thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu, kho bãi, kho lạnh, cơ sở chế biến phục vụ các ngành hàng mũi nhọn (Nguyễn Thanh Sơn, 2023). Đối với dự án đầu tư công, tỉnh đã thực hiện đấu thầu, nghiên cứu và kiểm soát các yếu tố tác động đến giá dự thầu nhằm lựa chọn được những nhà thầu đủ năng lực và trình độ thực thi thi công các công trình hạ tầng, đảm bảo minh bạch và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Theo nghị quyết số 45/NQ-HĐND tỉnh Đồng Tháp, tổng vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh khoảng 24.062 tỷ đồng trong đó phân bổ cho nông nghiệp và thủy lợi chiếm khoảng 12-15% tổng vốn ngân sách của tỉnh, tương đương 2.800-3.500 tỷ đồng.

[1]Nghiên cứu khảo sát kinh nghiệm tại địa bàn Ninh Bình (bao gồm cả các dữ liệu kế thừa từ tỉnh Hà Nam cũ trước khi sáp nhập theo địa giới hành chính mới từ năm 2025).

Bảng 1. Đặc trưng cơ bản về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp ở các quốc gia giai đoạn 2015-2025

Tiêu chí	Nhật Bản	Trung Quốc	Thái Lan
Tỷ lệ chi tiêu công cho nông nghiệp so với GDP (%)	0,7-0,9	1,5-2,0	0,5-0,8
Tỷ lệ chi tiêu công cho hạ tầng nông nghiệp so với tổng chi tiêu công cho nông nghiệp (%)	29 -31	60-70	50-60
Mức độ ưu tiên đầu tư công	Thủy lợi, R&D	Thủy lợi, giao thông	Thủy lợi
Cách thức huy động vốn đầu tư công	Sử dụng ngân sách trung ương, địa phương, vốn vay ưu đãi, hợp tác công tư (PPP)	Ngân sách trung ương, địa phương, phát hành trái phiếu chính phủ, PPP	Ngân sách nhà nước, vốn ODA, PPP
Yếu tố thành công cốt lõi	Công nghệ cao, vốn đầu tư lớn	Quy mô vốn lớn, chính sách tốt	Hạ tầng thủy lợi phát triển tốt
Hạn chế, thách thức	Hạ tầng xuống cấp, chi phí bảo trì lớn	Đầu tư kém hiệu quả, gây lãng phí	Thiếu đồng bộ, bảo trì thấp, quản lý phân tán

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ tài liệu nghiên cứu (2026).

Đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp ở Đồng Tháp chú trọng vào hạ tầng thủy lợi nhằm đảm bảo sản xuất, chống mặn và cung cấp nguồn nước ổn định cho sản xuất (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025). Về cơ cấu vốn đầu tư cho hạ tầng nông nghiệp, ở Đồng Tháp cơ cấu vốn bao gồm vốn của ngân sách trung ương và địa phương, nguồn vốn ODA. Theo Báo cáo số 514/BC-UBND ngày 29/12/2023, vốn đầu tư được sử dụng để xây dựng hạ tầng đê bao, trạm bơm điện, hạ tầng logistics nông sản, hướng đến chống chịu khí hậu với tổng mức đầu tư trên 2.000 tỷ đồng. Ở Đồng Tháp, vốn đầu tư công cho nông nghiệp chủ yếu là vốn nhà nước, xã hội hóa và hợp tác công tư (WB & Fulbright, 2024). Cũng theo nghiên cứu này, giai đoạn 2022-2023, Đồng Tháp đã sử dụng 32,5 tỷ đồng nguồn vốn đầu tư phát triển địa phương, hơn 6 tỷ đồng vốn chi thường xuyên cho giai đoạn 2023-2025 để duy trì nền tảng số. Bên cạnh đó, Đồng Tháp cũng dành khoản chi cho hỗ trợ chuyển đổi số nông nghiệp với mức chi 20,181 tỷ đồng từ vốn ngân sách nhà nước. Đồng Tháp cũng đã huy động tham gia của doanh nghiệp công nghệ số để đồng hành triển khai thử nghiệm và hỗ trợ quản lý dữ liệu; áp dụng cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm, nông dân có thể đóng góp kinh phí mua thiết bị khi được hỗ trợ hạ tầng lưới điện (Trần Trí Chung & Trần Việt Dũng, 2015). Việc đầu tư đồng bộ hạ tầng và công nghệ giúp nông dân ra quyết định sản xuất dựa trên thị trường, giảm rủi ro thiên tai và dịch bệnh, từ đó nâng cao thu nhập bền vững (Báo Nông nghiệp và Môi trường, 2025).

Tuy nhiên, đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp vẫn còn một số hạn chế như chi thường xuyên có tỷ trọng thấp nhưng lại tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế hơn chi đầu tư phát triển; giải ngân dự án đầu tư công còn chậm, chưa đạt kế hoạch đề ra; hạ tầng thủy lợi chưa hoàn thiện.

4.3. Nghệ An

Tại Nghệ An, đầu tư công đã và đang tập trung vào hạ tầng cốt lõi như hạ tầng điện, giao thông, thủy lợi ở các địa bàn trọng điểm để thu hút các nhà đầu tư lớn như TH Group, Vinamilk vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao (Nguyễn Anh Tuấn, 2022). Đầu tư công vào hạ tầng kỹ thuật là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định đầu tư của tư nhân vào khu vực nông nghiệp (Lê Thu Hường, 2019). Mặt khác, tận dụng hiệu quả vốn ODA thông qua các dự án sửa chữa và nâng cao hạ tầng thủy lợi đã giúp Nghệ An chuyển đổi từ hạ tầng thủy lợi truyền thống sang mô hình quản lý hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu (WB, 2015). Trong giai đoạn 2021-2023, Nghệ An đã sử dụng vốn ngân sách và vốn ODA để xây dựng các hạ tầng thủy lợi trọng điểm như dự án Hồ

chứa nước Bản Mồng, hệ thống thủy lợi Khe Lại - Vực Mấu với vốn 232,934 tỷ đồng; dự án khôi phục hạ tầng thủy lợi đê điều với nguồn vốn đầu tư 258 tỷ đồng… Việc đầu tư hạ tầng nông nghiệp đã giúp dân cư khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch theo đúng tiêu chuẩn lên đến 87% năm 2022; 88% năm 2023; 97,8% so với kế hoạch đến năm 2025 (Sở NN&PTNT, 2024). Việc chủ động đầu tư hạ tầng sản xuất, quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung, cải thiện môi trường đầu tư và triển khai các chính sách ưu đãi, tạo quỹ đất sản xuất đã giúp giảm chi phí đầu vào, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia đầu tư và hình thành các chuỗi giá trị nông nghiệp quy mô lớn (TH Group, 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, 2017).

Bên cạnh những thành tựu đạt được, đầu tư công cho nông nghiệp tại Nghệ An vẫn còn một số hạn chế như đầu tư công còn dàn trải, chưa tập trung; hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; tình trạng giải ngân còn chậm; chưa có chế tài đủ mạnh để khuyến khích, thu hút tư nhân tham gia đầu tư, liên kết doanh nghiệp - nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn chưa chặt chẽ; thiếu mô hình tích tụ ruộng đất bền vững, hiệu quả (Sở NN&PTNT, 2024).

Từ nghiên cứu thực trạng của các tỉnh ở Việt Nam về đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp, tác giả tổng hợp đặc trưng cơ bản giai đoạn 2015-2025 ở các tỉnh thành Việt Nam ở bảng 2.

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO TỈNH HƯNG YÊN

Từ thực tiễn đầu tư công ở Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, Ninh Bình, Đồng Tháp, Nghệ An, rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hưng Yên như sau:

Thứ nhất, chú trọng hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp đồng bộ trong đó ưu tiên hạ tầng thủy lợi để đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất; hạ tầng logistics và kho bãi để bảo quản sau thu hoạch; xây dựng bảo trì hạ tầng hướng tới thích ứng với sự biến đổi khí hậu.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp dài hạn và có tính ổn định, đa dạng hóa vốn đầu tư cho hạ tầng nông nghiệp, phát huy hiệu quả vốn mồi của đầu tư công. Theo đó, Tỉnh chú trọng xây dựng hệ thống chính sách, cơ chế tạo điều kiện thu hút đầu tư tư nhân tham gia vào đầu tư cho nông nghiệp bằng cách sử dụng nguồn vốn đầu tư công đầu tư hạ tầng nông nghiệp ổn định như hạ tầng thủy lợi đảm bảo, hạ tầng giao thông thuận lợi, logistic, kho bãi hiện đại giúp nhà đầu tư tư nhân có động lực đầu tư vào lĩnh vực này.

Bảng 2. Đặc trưng cơ bản về đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp ở các tỉnh thành Việt Nam giai đoạn 2015-2025

Tiêu chí	Ninh Bình	Nghệ An	Đồng Tháp
Tỷ lệ chi tiêu công cho nông nghiệp so với GRDP (%/năm)	0,34-0,35	0,27-0,22	0,42-0,45
Tỷ lệ chi tiêu công cho hạ tầng nông nghiệp/tổng chi tiêu công cho nông nghiệp (%/năm)	63-65	64-60	68-70
Mức độ ưu tiên đầu tư công	Hạ tầng thủy lợi và tích tụ ruộng đất	Hạ tầng thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật	Hạ tầng thủy lợi
Cách thức huy động vốn	Ngân sách nhà nước và địa phương	Ngân sách nhà nước, ODA, PPP	Ngân sách nhà nước và vốn ODA
Yếu tố thành công cốt lõi	Sự kết hợp hài hòa giữa hạ tầng nông nghiệp và hạ tầng du lịch và dịch vụ (hạ tầng tích hợp)	Khả năng thu hút nhà đầu tư chiến lược để khép kín chuỗi hạ tầng sản xuất, chế biến, phân phối	Quản lý hạ tầng áp dụng công nghệ số, chuyển đổi số
Hạn chế và thách thức	Tiến độ thi công chậm, cơ chế giám sát lỏng lẻo; chưa tối ưu công nghệ và nguồn lực tài chính	biến đổi khí hậu phức tạp; thiếu vốn, giải phóng mặt bằng chậm	Thiếu đồng bộ về hạ tầng logistics và kho bãi; tình trạng giải ngân dự án đầu tư công chậm

Nguồn: Tác giả tính tự tính toán và tổng hợp từ tài liệu nghiên cứu (2026).

Thứ ba, thúc đẩy tích tụ ruộng đất đồng bộ tạo điều kiện cơ giới hóa diện rộng, nâng cấp hạ tầng giao thông nội đồng, tưới tiêu; có chính sách đảm bảo quyền sở hữu đất dài hạn; tạo điều kiện cho nông dân có điều kiện thuê đất, chuyển nhượng đất thuận lợi, giúp giảm chi phí giao dịch, thúc đẩy đầu tư quy mô lớn.

Thứ tư, xây dựng quy trình phê duyệt, giám sát, giải ngân đầu tư công chặt chẽ; tăng cường sự tham gia giám sát của người dân vào các quá trình xây dựng, hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp.

Thứ năm, xây dựng hạ tầng nông nghiệp có xu hướng dịch chuyển dần từ hạ tầng truyền thống sang hạ tầng thông minh, có ứng dụng chuyển đổi số.

6. KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu đầu tư công ở các nước trên thế giới và một số tỉnh ở trong nước, có thể thấy đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp vẫn chú trọng đầu tư hạ tầng truyền thống. Hầu hết các nước đều tập trung đầu tư hạ tầng thủy lợi nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho sinh hoạt, sản xuất và vốn đầu tư cho hạ tầng nông nghiệp vẫn chủ yếu là vốn ngân sách trung ương, địa phương. Đối với Hưng Yên, với lợi thế gần thủ đô Hà Nội, có hệ thống giao thông thuận lợi, vùng sản xuất tập trung với cây ăn quả, nông sản chất lượng cao nhưng tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao cũng gây ra áp lực lớn cho nông nghiệp, chính vì vậy đầu tư công cho nông nghiệp cần phải có lộ trình nhất định. Theo đó, Tỉnh cần ưu tiên đầu tư công để xây dựng, nâng cấp, bảo trì hạ tầng thủy lợi, giao thông nội đồng, kho bãi, logistic; đầu tư cho hạ tầng số vào sản xuất, quản lý; đồng thời tăng cường thúc đẩy vốn mồi của đầu tư công để thu hút đầu tư tư nhân vào lĩnh vực nông nghiệp theo mô hình đối tác công - tư (PPP) vào lĩnh vực chế biến, kho lạnh, logistic, hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anunthawichak, SI, Akkaratatta, C. & Kiettikunwong N. (2026). Creating sustainable water management in durian cultivation in Thailand with hybrid solar irrigation. Discover Sustainability. https://doi.org/10.1007/s43621-025-02388-y

Báo Nông nghiệp và Môi trường (2025). Các công trình thủy lợi tại Đồng bằng sông Cửu Long do Bộ Nông nghiệp và Môi trường đầu tư xây dựng ngày càng chứng minh hiệu quả trong thực tiễn, góp phần ổn định sản xuất và ứng phó biến đổi khí hậu. Truy cập từ https://www.youtube.com/watch?v=YRLPeHWNkkU ngày 01/8/2026.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). Đồng Tháp phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại. Truy cập từ https://mae.gov.vn/SMPT_Publishing_UC/KhaiThac/TinTuc/pInTinTuc.aspx?ItemID=19916&UrlList= ngày 01/8/2026.

Đỗ Kim Chung (2021). Giáo trình Kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp. Hà Nội

Đỗ Kim Chung & Lưu Văn Duy (2023). Giáo trình Kinh tế hộ nông dân. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

Do M.H. & Nguyen T.T (2024). Weather shocks, irrigation development and poverty in rural Thailand and Vietnam. International Journal of Water Resources Development. https://doi.org/10.1080/07900627.2023.2233645

Feiwu Ren, Zihan Xia, Yi Huang, Jiangtao Chi, Gai He & Yanwei Wang (2025). The impact of high standard farmland construction on China's agricultural resilience. Scientific Reports. 15: 38626. https://doi.org/10.1038/s41598-025-22519-9

Haggblade S. (2007). Returns to investment in agriculture. (Policy Synthesis No. 19). Food Security Research Project-Zambia, Michigan State University

Hồ Ngọc Ninh, Trần Tuấn Sơn & Đỗ Hải Hồ (2021). Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công trong nông nghiệp của tỉnh Hòa Bình. Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 291(2): 67-77. https://doi.org/10.22004/ag.econ.54625

Huang Kaixing, YangWang WenshouYan & ShuhuiDong (2024). Basic Farmland Construction in China: A Cost-Effective Investment for Agricultural Productivity and Disaster Resistance. Applied Economic Perspectives and Policy. 46(3): 1083-1102. https://doi.org/10.1002/aepp.13430

JICA (2022). Participatory Irrigation Management in Japan. Retrieved from https://www.jica.go.jp/english/activities/schemes/tech_pro/projects/activities/activities_46.html on Aug 01, 2026.

Kaur K., Kaur M. & Thaku B. (2023). Rural infrastructure and its impact on agricultural growth in india: an empirical analysis. Plant Archives. 23(2): 509-518. doi.org/10.51470/plantarchives.2023.v23.no2.080

Le Duc Thinh & Dao The Anh (2019). Policy of accumulation and consolidation of agricultural

land to promote cooperatives: Experiences from Ha Nam Province, FFTC-AP. Retrieved from https://ap.fftc.org.tw/article/1413 on Aug 01, 2026.

Lê Thu Hường (2019). Thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An. Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.

Lê Xuân Cử (2015). Một số chính sách của Trung Quốc đối với nông dân và tham chiếu kinh nghiệm cho Việt Nam. Tạp chí Cộng sản. Truy cập từ https://www.tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/36104/mot-so-chinh-sach-cua-trung-quoc-doi-voi-nong-dan-va-tham-chi-eu-kinh-nghiem-cho-viet-nam.aspx ngày 01/8/2026.

Livingstone M. & James M.N. (2024). Government Expenditure On Manufacturing, Infrastructure, Agriculture Components, And The Level Of Economic Growth In Kenya 1985-2021. Economic Theory, DOI: 10.9790/5933-1505085470

Luangchosiri, N, Chatchawan Chaichana, Parichat Yalangkan, Samuel Matthew G. Dumlao, Hideyuki Okumura & Keiichi N. Ishihara (2025). Willingness to pay for solar irrigation systems in Thailand. Water (MDPI). 17(6): 858.

Lưu Văn Duy, Nguyễn Viết Đăng, Nguyễn Phượng Lê, Nguyễn Thị Thiêm, Phạm Thị Thanh Thúy, Lê Thị Thanh Loan & Nguyễn Thanh Phong (2022). Giáo trình Kinh tế nông thôn. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

Mahaarcha D. & Sirisunhirun S. (2023). Social capital and farmers' participation in multi-level irrigation governance in Thailand", Heliyon. https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e18793

Minh Tien Nguyen, Quoc Hung Vu, Viet Hung Truong & Huu Hue Nguyen (2023). A comprehensive evaluation of private sector investment decisions for sustainable water supply systems using a fuzzy-analytic hierarchy process: A case study of Ha Nam province in Vietnam. Heliyon. 9: e19727. https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e19727

Nguyễn Anh Tuấn (2022). Chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An". Luận án Tiến sĩ, Đại học Vinh.

Nguyễn Thanh Sơn (2023). Tái cơ cấu nông nghiệp ở tỉnh Đồng Tháp: Mô hình đột phá để chuyển đổi từ 'sản xuất nông nghiệp' sang 'kinh tế nông nghiệp'. Tạp chí Cộng sản.

Nguyễn ThịThu Hằng & Lê Trung Hiếu (2020). Phân tích hiệu quả đầu tư công vào nông nghiệp ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 278: 45-53.

Nguyễn Văn Dân (2021). Đầu tư công và phát triển bền vững tại Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

OECD (2019). Innovation, Agricultural Productivity and Sustainability in Japan. OECD Food and Agricultural Reviews. https://doi.org/10.1787/92b8dff7-en

OECD (2021). Addressing the challenges facing food systems. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/2d810e01-en.

OECD (2025). Agricultural Policy Monitoring and Evaluation 2025: OECD Food and Agricultural Reviews. OECD Publishing, Paris. Retrieved from https://www.oecd.org/en/publications/agricultural-policy-monitoring-and-evaluation-2025_a80ac398-en on Aug 01, 2026.

Phạm Minh Phong (2025). Phát triển nông nghiệp Việt Nam bền vững trong kỷ nguyên mới. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Truy cập từ https://kinhtevadubao.vn/phat-trien-nong-nghiep-viet-nam-ben-vung-trong-ky-nguyen-moi-31337.html ngày 01/8/2026.

Phạm Thị Quỳnh & Lưu Văn Duy (2025). Đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp: Tổng quan một số vấn đề lý luận. Tạp Chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 23(6): 802-812. https://doi.org/10.31817/tckhnnvn.2025.23.6.10.

Phulkerd S., Schram A., Collin J., Thow A.M., Ngqangashe Y., Schneider C.H. & Frie S. (2022). Towards reconciling population nutrition goals and investment policy in Thailand: understanding how investment policy actors defined, framed and prioritised nutrition. Globalization and Health. https://doi.org/10.1186/s12992-022-00888-4.

Plastina A. & Townsend T. (2023). World Spending on Agricultural Research and Development. Iowa State University. Retrieved from https://agpolicyreview.card.iastate.edu/winter-2023/world-spending-agricultural-research-and-development on Aug 01, 2026.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An (2024). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021- 2023; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm giai đoạn 2024-2025.

TH Group (2024). Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại Nghĩa Đàn. Truy cập từ https://www.thmilk.vn/ ngày 01/8/2026.

Trần Trí Chung & Trần Việt Dũng (2015). Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển tổ chức dùng nước ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy lợi. 30.

Truong Duc Toan, Dang Ngoc Hanh & Dao Thi Thu (2023). Management Models and the Sustainability of Rural Water Supply Systems: An Analytical Investigation in Ha Nam Province, Vietnam. Sustainability. 15(12): 9212. https://doi.org/10.3390/su15129212.

UBND tỉnh Hưng Yên (2025). UBND tỉnh nghe báo cáo tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân vốn đầu

tư công năm 2025. Truy cập từ https://hungyen.gov.vn/ubnd-tinh-nghe-bao-cao-tien-do-thuc-hien-va-ket-qua-giai-ngan-von-dau-tu-cong-nam-2025-c284141.html ngày 01/8/2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2023). Báo cáo số 514/BC-UBND ngày 29/12/2023: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2017). Quyết định số 5441/QĐ-UBND-CN phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025, có xét đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Truy cập từ https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyet-dinh-5441-QD-UBND-CN-2017-phe-duyet-Quy-hoach-phat-trien-cong-nghiep-Nghe-An-368211.aspx ngày 01/8/2026.

Wichaidist B., Intrman A., Puttrawutichai S., Rewtragulpaibul C., Chuanpongpanich S. & Suksaroj C. (2023). The effect of irrigation techniques on sustainable water management in Thailand. Applied Environmental Research. https://doi.org/10.35762/AER.2023024.

WB (2015). Vietnam: Irrigated agriculture improvement project. WorldBank Group. Retrieved from https://documents.worldbank.org on Aug 01, 2028.

WB (2018). Thailand rural income diagnostic: Challenges and opportunities for rural farmers. World Bank Group. Retrieved from https://www.worldbank.org/en/country/thailand/publication/thailand-rural-income-diagnostic-challenges-and-opportunities-for-rural-farmers on Aug 01, 2026.

WB (2022). Toward a Greener China: A Review of Recent Agricultural Support Policies and Public Expenditures. World Bank. Retrieved from http://hdl.handle.net/10986/38446 on Aug 01, 2028.

WB (2024). Agriculture, forestry, and fishing, value added (current US$). Retrieved from https://data.worldbank.org/indicator/NV.AGR.TOTL.CD on Aug 01, 2028.

WB & Fulbright (2024). Chuyển đổi số ngành nông nghiệp với xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu và hệ sinh thái nền tảng số: Góc nhìn từ dự án đầu tư ứng dụng CNTT và sự đồng hành của DN công nghệ số tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Truy cập từ https://fsppm.fulbright.edu.vn/wb-dga/Case-studies-MLP-2024/4-2-4-Case-4-Dong-Thap-Quan-ly-thong-tin-nn.pdf ngày 01/08/2026.